

Số: 1683/QĐ-UBND

Thừa Thiên Huế, ngày 18 tháng 8 năm 2014

QUYẾT ĐỊNH

Về việc quy định đơn giá cây cao su làm cơ sở xác định giá trị bồi thường, hỗ trợ và tái định cư khi nhà nước thu hồi đất trên địa bàn tỉnh Thừa Thiên Huế

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH

Căn cứ Luật Tổ chức Hội đồng Nhân dân và Ủy ban Nhân dân ngày 26 tháng 11 năm 2003;

Căn cứ Luật Đất đai ngày 29 tháng 11 năm 2013;

Căn cứ Quyết định số 02/2011/QĐ-UBND ngày 07 tháng 01 năm 2011 của UBND tỉnh về việc ban hành quy định quản lý Nhà nước về giá trên địa bàn tỉnh Thừa Thiên Huế;

Xét đề nghị của Giám đốc Sở Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn tại Tờ trình số 869/TTr-SNNPTNT ngày 12 tháng 8 năm 2014 và thẩm định của Sở Tài chính tại Công văn số 2028/STC-QLGCS ngày 08 tháng 8 năm 2014,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Quy định đơn giá cây cao su làm cơ sở xác định giá trị bồi thường, hỗ trợ và tái định cư (gọi tắt là đơn giá bồi thường cây cao su) khi nhà nước thu hồi đất trên địa bàn tỉnh Thừa Thiên Huế như Phụ lục kèm theo.

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày 01/9/2014 và thay thế đơn giá bồi thường cây cao su tại Phụ lục I kèm theo Quyết định số 369/QĐ-UBND ngày 30/01/2011 của UBND tỉnh; các nội dung khác của Quyết định số 369/QĐ-UBND ngày 30/01/2011 của UBND tỉnh không trái với Quyết định này vẫn giữ nguyên hiệu lực.

Điều 3. Chánh Văn phòng UBND tỉnh, Giám đốc các Sở: Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, Tài chính, Tài nguyên và Môi trường; Trưởng các ban: Ban quản lý Khu kinh tế Chân Mây - Lăng Cô, Ban Quản lý các Khu công nghiệp tỉnh; Chủ tịch UBND, Chủ tịch Hội đồng bồi thường, hỗ trợ và tái định cư các huyện, các thị xã, thành phố Huế; Thủ trưởng các tổ chức, cá nhân, hộ gia đình có liên quan và chủ đầu tư có dự án đầu tư trên địa bàn tỉnh Thừa Thiên Huế chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:

- Như Điều 3;
- CT và các PCT UBND tỉnh;
- Công Thông tin Điện tử tỉnh;
- Lưu: VT, TC, NN, ĐC.

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH



Lê Trường Lưu





Phụ lục:

ĐƠN GIÁ BỒI THƯỜNG CÂY CAO SU

(Kèm theo Quyết định số 1683/QĐ-UBND ngày 18 tháng 8 năm 2014 của Ủy ban nhân dân tỉnh Thừa Thiên Huế)

Thời kỳ	Đơn giá bồi thường	
	đồng/ha	đồng/cây
Cao su mới trồng (năm thứ 1)	50.879.000	92.000
Cao su năm thứ 2	80.719.000	145.000
Cao su năm thứ 3	111.700.000	201.000
Cao su năm thứ 4	142.905.000	257.000
Cao su năm thứ 5	176.864.000	319.000
Cao su năm thứ 6	213.853.000	385.000
Cao su năm thứ 7	253.197.000	456.000
Cao su từ năm thứ 8 đến năm thứ 20	294.896.000	531.000
Cao su từ năm thứ 21 trở lên	213.799.000	385.000

Ghi chú:

Mật độ cây cao su đưa vào tính toán là 555 cây/ha (cự ly hàng 6m, cự ly cây 3m). Trường hợp mật độ trồng cao hơn thì chỉ tính bồi thường theo đúng định mức 555 cây/ha. Trường hợp mật độ trồng thấp hơn thì bồi thường theo số lượng cây thực tế.

Đơn giá bồi thường cây cao su nêu trên bao gồm chi phí chặt hạ, vận chuyển ra khỏi khu vực có đất bị thu hồi (chưa tính tiền đất). Người được hưởng chi phí đền bù được quyền tận thu lại toàn bộ sản phẩm để bàn giao mặt bằng cho Nhà nước./.

